

ĐỀ ÔN THI TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT LỚP 1 VÒNG 18 ĐỀ SỐ 2

Bài 1: Phép thuật mèo con

Nhất	ba
Nhị	hai
tam	một
Tứ	bảy
Ngũ	năm
Lục	sáu
Thất	bốn
bát	mười
Cửu	chín
Thập	tám

**Bài 2 . Sắp xếp lại vị trí những từ sau để
được câu đúng**

Câu 1: Nhà/thì/sạch/mát .

Bát sạch thì nhà Nhà thì sạch mát

Nhà sạch thì mát Nhà mát thì sạch

Câu 2: sâu/khoan/hoắm/./Giếng

khoan hoắm giếp sâu

Giếng khoan sâu hoắm

Câu 3: sắc/hoa/Trăm/./khoe

khoe sắc trăm hoa

Trăm hoa khoe sắc

Câu 4: cơm/Bát/ngon/sạch

sạch Bát ngon cơm

Bát sạch ngon cơm

Câu 5: ôm/./bị.Mẹ

Mẹ bị ôm

bị ôm Mẹ

Câu 6: chim/bìm/bịp

Chim bìm bịp

bìm bịp chim

Câu 7: Hoa/màu/./vàng/cúc

Màu vàng Hoa cúc

Hoa cúc màu vàng

Câu 8: tinh/./trắng/Hoa/huệ

trắng tinh Hoa huệ

Hoa huệ trắng tinh

Câu 9: vành/Chim/đang/khuyên/./bay

vành khuyên Chim đang bay.

Chim vành khuyên đang bay.

Câu 10: cây/Tết/trông/mùa/Xuân/./là

Tết trông cây mùa xuân.

mùa Xuân là Tết trông cây.

Bài 3 – Điền từ

Câu hỏi 1: Điền từ có vần **âu** thích hợp để hoàn thiện câu sau:

Trên đồng cạn, dưới đồng sâu

Chồng cày vợ cấy, con đi bừa.

Câu hỏi 2: Giải câu đố sau:

“Con gì chân ngắn

Mà lại có màng

Mỏ bẹt màu vàng

Hay kêu cạp cạp?”

Trả lời: con

Câu hỏi 3: Điền chữ còn thiếu vào câu ca dao sau:

“Ai ơiớ bỏ ruộng hoang

Bao nhiêu tấc, tấc vàng bấy nhiêu.”

Câu hỏi 4: Điền chữ ch/tr vào chỗ trống sau:

Ngay giữa sânường, sừng sững một cây bàng.

Câu hỏi 5: Các từ “lo toan, chạy loạn, hoa xoan” có chung vần gì?

Trả lời: vần.....

Câu hỏi 6: Điền chữ cái thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện các từ sau:

sảnuất,âu kim,ếp hàng

Trả lời: Chữ cái cần điền là

Câu hỏi 7: Điền vần thích hợp vào chỗ trống sau:

Mùa đ....., cây vươn dài, những cành khẳng khiu, trụi lá.

Câu hỏi 8: Điền chữ cái thích hợp vào chỗ trống để hoàn thiện các từ sau:

.....inh hoạt,ản xuất, ngôiao

Trả lời: Chữ cái cần điền là:

Câu hỏi 9: Tìm từ viết sai chính tả trong bài ca dao sau:

Kéo cửa lừa sẻ
Ông thợ nào khỏe
Thì ăn cơm vua
Ông thợ nào thua

Từ viết sai chính tả là

Câu hỏi 10: Giải câu đố sau:

“Con gì hai mắt trong veo

Thích nằm sưởi nắng, thích trèo cây cau?”

Trả lời: con

Bài 4: Trắc nghiệm 1

Câu hỏi 1: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu:

“Đôi mắt bé to tròn
.....nhìn biển rộng.”

A .Ngạc nhiên

B. Ngỡ ngàng

C. Vui thích

D. Sung sướng

Câu hỏi 2: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu:

“Nương lúa óng ả

Gió dập dìu hòa ca.”

A. vàng

B. màu

C. xanh

D. đẹp

Câu hỏi 3: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu:

“Những trưa đồng đầy nắng

Trâu nằm bóng râm.”

A. gặm

B. nhai

C. nghe

D. trong

Câu hỏi 4: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu:

“Hà thấy vậy liền chạy đến sửa lại dây đeo, đặt chiếc cặp nằm thật ngay ngắn trên lưng bạn. Cúc đỏ mặt, cảm ơn Hà.”

- A. gượng ngịu B. nguợng nghịu
C. gượng gạo D. nguợng ngừng

Câu hỏi 5: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu:

“Bầu trời xanh bóng như vừa được....rửa.”

- A. tắm B. gột
C. gội D. giội

Câu hỏi 6: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu:

“Xa một chút là Tháp Rùa, tường rêu..... Tháp xây trên gò đất giữa hồ, cỏ mọc xanh um.”

- A. cỏ thụ B. cỏ kính
C. cỏ quái D. cỏ đại

Câu hỏi 7: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu:

“Cô Mơ.....một trứng hồng
Cục ta cục tác sân trong ngõ ngoài.”

A. sinh

B. đẻ

C. có

D. cho

Câu hỏi 8: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu:

“Cá heo sinh con và nuôi con bằng.....
Nó khôn hơn cả chó, khỉ.

Có thể dạy nó canh gác bờ biển, dẫn tàu
thuyền vào ra các cảng, săn lùng tàu
thuyền giặc.”

A. cá

B. nước

C. sữa

D. tảo

Câu hỏi 9: Chọn từ phù hợp để điền vào chỗ trống trong câu: “Minh muốn chạy thật